

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tú Nam và ông Lê Văn Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, thành phố Huế: Ông Trần Tiến Dũng và ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị B**, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Phan Thanh T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ C Thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Hiện đang chấp hành án tại Đội 26, P, Trại giam B1 – C10 Bộ C; địa chỉ: xã B, thị xã H, thành phố H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Phan Thanh T sau thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 19/11/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2018) và có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị B nguyên nhân là do anh T không chịu đi làm, ham chơi với bạn bè và nghiện ma túy, không quan tâm gì đến gia đình. Thường xuyên lấy tài sản trong nhà để đi bán lấy tiền tiêu xài, khi chị khuyên răn thì bị anh T bóp cổ nhiều lần. Thấy sống với anh T thường xuyên bị đe dọa, đánh đập và bản thân chị mang thai nên chị đã về sống chung cùng cha mẹ ruột của mình tại Đ và sinh con từ năm 2019 để tránh bị anh T đánh đập. Đến năm 2020, anh T bị bắt vì tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 năm tù giam. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc và không thể tiếp tục được nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Trần Thanh N, sinh ngày 24/8/2019, hiện đang sống cùng chị tại Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Từ khi sinh con đến nay chị tự mình nuôi con, hiện cuộc sống học tập, sinh hoạt của cháu ổn định. Hiện nay anh Phan Thanh T đang thi hành án phạt tù nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B xác nhận vợ chồng chị chung sống không có tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Phan Thanh T: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn đang thi hành án tại Trại giam B1, thị xã H, thành phố H. Anh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị B có quen biết nhau 05 năm trước khi kết hôn, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 19/11/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2018). Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2020, anh bị bắt vì tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 năm tù giam, kể từ đó vợ chồng không ai thăm hỏi gì về nhau nữa. Anh T nghe qua lời kể của người khác rằng chị B không chung thủy và có con riêng với người khác nhưng anh không thể cung cấp thông tin, chứng cứ cụ thể. Kể từ đó anh đã hết tình cảm vợ chồng với chị B. Nay chị B có đơn xin ly hôn anh thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Trần Thanh N, sinh ngày 24/8/2019. Hiện nay anh đang thi hành án nên về vấn đề giao con cho ai trực tiếp nuôi thì anh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/11/2024, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đã lấy ý kiến của ông Trần Hữu T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (là cha ruột của chị B), được biết: Chị B và anh T tự nguyện kết hôn sau thời gian tìm hiểu. sau khi cưới, vợ chồng về sống tại nhà anh T. Sống với nhau được

khoảng 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên lấy tiền cưới của hai vợ chồng để mua ma túy sử dụng, ngoài ra anh T còn thường xuyên đánh đập chị B. Năm 2019 chị B về sống với cha mẹ tại Đắk Lắk. Nay chị B có đơn ly hôn thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh T vì mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B, Anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật, xét tình cảm vợ chồng giữa đôi bên không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B. Về con chung: Đề nghị giao cháu Phan Trần Thanh N, sinh ngày 24/8/2019 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu gì nên không giải quyết. Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Thanh T có địa chỉ tại: Tổ C Thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Hiện đang chấp hành án tại Đội 26, P, Trại giam B1 – C10 Bộ C; địa chỉ: xã B, thị xã H, thành phố H, có tranh chấp nên Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B, anh T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị B và anh Phan Thanh T tự nguyện kết hôn, đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Từ lời khai của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình của chị B, anh T đã kéo dài và trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Chị B, anh T sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn tình cảm yêu thương giữa vợ chồng, không quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét

yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị Trần Thị B và anh Phan Thanh T có 01 con chung tên là Phan Trần Thanh N, sinh ngày 24/8/2019, hiện đang ở với chị B, được chị B chăm sóc chu đáo. Xét thấy chị B có công việc ổn định, thu nhập đảm bảo, có đủ điều kiện phù hợp trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là đúng với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng cho con: Chị B tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị B, anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị B: Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Phan Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Trần Thanh N, sinh ngày 24/8/2019 cho chị Trần Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Thời hạn nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Chị B tự nguyện không yêu cầu nên Tòa án không xét.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 008604 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Chị Trần Thị B đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tp. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;
(Số 59/2018, ngày 19/11/2018);
- Các đương sự;
- Lưu: dân; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mộng Trinh